TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 233/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 05 tháng 08 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 310/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 tranh chấp về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Tuyết P, sinh năm 1976

Thường trú: 670 N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955 – Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

Bị đơn: Ông Trương Triều C, sinh năm 1970

Thường trú: 670 N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trương Triều C và bà Huỳnh Tuyết P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Triều C và bà Huỳnh Tuyết P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2000, quyển số 01 đăng ký ngày 16/08/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Ông Trương Triều C và bà Huỳnh Tuyết P có 02 (hai) người con chung, họ và tên:

+ Trương Ưng H, sinh ngày 25/9/2001 đã trưởng thành nhưng không có khả năng lao động.

+ Trương Ưng D1, sinh ngày 30/4/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Do con là Trương Ưng D1, sinh ngày 30/4/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Huỳnh Tuyết P và ông Trương Triều C thỏa thuận sau khi ly hôn: Giao người con chung tên Trương Ưng H, sinh ngày 25/9/2001 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông Trương Triều C do bà Huỳnh Tuyết P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Tuyết P và ông Trương Triều C cùng thống nhất không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

2.4. Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung: Bà Huỳnh Tuyết P và ông Trương Triều C cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Huỳnh Tuyết P và ông Trương

Triều C mỗi người chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng. Bà P tự nguyện chịu án phí thay cho ông C, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã tạm nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011011 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà P số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa